TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2019
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Hòa.

2. Bà Châu Thị Phương Hằng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Minh Khuê – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Vào lúc 14 giờ 00 ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc: "*Ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐ-XXST ngày 22 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2019/QĐ-HPT ngày 12/4/2019 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Quốc K – sinh năm 1964.
ĐKNKTT: số 18 ngõ 52 Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội
Tạm trú tại: Khu phố 04, Đức Nghĩa, Phan Thiết, Bình Thuận.
- Bị đơn: Chị Trần Ngọc M- sinh năm 1981.
ĐKNKTT: 153/25/4 Nguyễn Tiểu La, phường 5, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh
Tạm trú tại: Khu phố 04, Đức Nghĩa, Phan Thiết, Bình Thuận.

Anh Bùi Quốc K có mặt tại phiên tòa; Chị Trần Ngọc M vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Bùi Quốc K trình bày:***

Anh và chị Trần Ngọc Mtự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đức Nghĩa, Phan Thiết, Bình Thuận. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm nên thường gây gỗ cãi vã. Đồng thời do chị M ghen tuông vô cớ thường xuyên nói xấu và vu khống anh với mọi người. Nhiều lần anh đã cố gắng bỏ qua nhưng chị Mvẫn không sửa đổi vì vậy

nay anh xác định không còn tình cảm gì với chị M nữa yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh và chị Mai 01 con chung tên Bùi Trần Khánh N – sinh ngày 31/8/2016. Nay ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị Trần Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn chị Trần Ngọc M Tại bản tự khai cũng như biên bản hòa giải tại Tòa án chị Mai trình bày: Chị và anh Bùi Quốc K tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đức Nghĩa, Phan Thiết, Bình Thuận. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do anh K không tôn trọng chị như một người vợ, lại còn thường xuyên liên hệ và đi lại với vợ cũ và người yêu cũ, khi chị nói thì anh K lại cho rằng chị ghen tuông vô cớ. Nay anh K yêu cầu được ly hôn với chị, chị đồng ý ly hôn với anh K vì giữa chị và anh K không còn tình cảm với nhau nữa.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Trần Khánh N – sinh ngày 31/8/2016. Nay ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Bùi Quốc K cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự thủ tục do Bộ Luật tố tụng dân sự quy định. Qúa trình tham gia tố tụng tuy bị đơn cũng đã đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải nhưng đã 2 lần bị đơn không có mặt tại phiên xét xử của Tòa án, chứng tỏ bị đơn không chấp hành pháp luật, không hợp tác và không đến Tòa để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b, khoản 02 Điều 227; khoản 03 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Qua đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, anh Bùi Quốc K được ly hôn với chị Trần Ngọc M và chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của anh Bùi Quốc K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai taïi phiên tòa. Căn cứ vào lời khai và kết quả tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Bùi Quốc K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Trần Ngọc M có nơi cư trú tại khu phố 4, phường Đức Nghĩa, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Qúa trình tham gia tố tụng bị đơn chị Trần Ngọc M cũng đã đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải. Tuy nhiên mặc dù chị Trần Ngọc M đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Trần Ngọc M vẫn không có mặt tại phiên xét xử của Tòa án, chứng tỏ chị Trần Ngọc M đã tự khước từ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Trần Ngọc M theo quy định tại điểm b, khoản 02, Điều 227; khoản 03 Điều 228 Bố luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Quốc K. Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh Bùi Quốc K và chị Trần Ngọc M tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đức Nghĩa, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 02/10/2015. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Quốc K và chị Trần Ngọc M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Anh Bùi Quốc K xin ly hôn với chị Trần Ngọc M vì cho rằng quá trình chung sống anh và chị M không hạnh phúc do bất đồng quan điểm nên thường gây gỗ cãi vã. Đồng thời do chị M ghen tuông vô cớ thường xuyên nói xấu và vu khống anh với mọi người. Nhiều lần anh đã cố gắng bỏ qua nhưng chị M vẫn không sửa đổi vì vậy nay anh xác định không còn tình cảm gì với chị M nữa yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M.

Qúa trình thụ lý giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Ngọc M cũng đã đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải. Tại bản tự khai cũng như tại phiên hòa giải chị M cho rằng quá trình chung sống chị và anh K không hạnh phúc do anh K không tôn trọng chị như một người vợ, lại còn thường xuyên liên hệ và đi lại với vợ cũ và người yêu cũ, khi chị nói thì anh K lại cho rằng chị ghen tuông vô cớ. Nay anh K yêu cầu được ly hôn với chị, chị đồng ý thuận tình ly hôn với anh Bùi Quốc K. Tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Mai vẫn không có mặt tại phiên xét xử của Tòa án, chứng tỏ chị Trần Ngọc M tự khước từ quyền tham gia tố tụng của mình, đã không có bất kỳ ý kiến nào mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh K, để mặc cho hậu quả xảy ra. Căn cứ những lời khai của anh K và chị M trong suốt quá trình tham gia tố tụng chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh K và chị M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Quốc K.

Về con chung: Qúa trình chung sống chị Trần Ngọc M và anh Bùi Quốc K có với nhau 01 con chung tên Bùi Trần Khánh N – sinh ngày 31/8/2016. Tại bản tự khai cũng như tại biên bản hòa giải anh K và chị M đều đồng ý thỏa thuận sau khi ly hôn chị M là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Bùi Trần Khánh N – sinh ngày 31/8/2016 cho chị Trần Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tuy nhiên giữa anh K và chị M không thống nhất với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con. Tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa hôm nay anh K trình bày sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000đ. Riêng chị M trình bày tại bản tự khai cũng như biên bản hòa giải có trong hồ sơ là yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000đ. Xét thấy ngoài việc đưa ra mức yêu cầu cấp dưỡng thì từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến tại phiên tòa hôm nay chị M không

cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ nào để chứng minh yêu cầu cấp dưỡng của mình là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của anh K và căn cứ vào nhu cầu thực tế để nuôi dưỡng một đưa trẻ trong giai đoạn hiện nay thì mức cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng mà anh K đưa ra là có cơ sở để chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 04 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, nộp về án phí, lệ phí Tòa án anh Bùi Quốc K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 19; khoản 01 Điều 51; khoản 01 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. <u>Tuyên xử</u>: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Quốc K

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Quốc K được ly hôn với chị Trần Ngọc M

- Về con chung: Giao con chung tên Bùi Trần Khánh N – sinh ngày 31/8/2016 cho chị Trần Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Quốc K cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000đ từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Bùi Trần Khánh N đã thành niên và có khả năng lao động.

Anh Bùi Quốc K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2. <u>Về án phí</u>: Anh Bùi Quốc K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phái đã nộp theo biên lai nộp tiền số 0024019 ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Chi cuïc Thi hành án dân sự Thành phố Phan Thiết. Số tiền án phí còn lại anh K phải tiếp tục nộp là 300.000đ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7A và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ phải thi hành án chậm thi hành án, thì người có nghĩa vụ phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo bản án của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Quyền kháng cáo bản án của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS Tp. Phan Thiết;
- Thi hành án dân sự Tp. Phan Thiết;
- UBND phường Đức Nghĩa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN

NGUYỄN THỊ NHƯ YẾN NGUYỄN THẾ QUẢNG PHẠM PHONG LAN

Nơi nhận:
-Các đương sự
-VKSND TP.PT
- Thi hành án dân sự TP. Phan Thiết
- UBND phường Phú Thủy
-Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM PHONG LAN